



**BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thị trường tài chính - MH1104204

Mã lớp học phần: 25111MH110420401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký             | Điểm số | Điểm chữ   | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|--------|--------------------|---------|------------|---------|
| 1   | 2410120004 | Đinh Lê Kim     | Chi    | 22/01/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 2   | 2410120025 | Phạm Quỳnh      | Duy    | 21/01/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 3   | 2410120020 | Võ Thị Hồng     | Hạnh   | 27/07/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 4   | 2410120016 | Đỗ Thị Ngọc     | Hân    | 30/10/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 5   | 2410120023 | Võ Thị Kim      | Hồng   | 01/08/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 6   | 2410120028 | Phan Văn        | Kha    | 23/12/2003 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 7   | 2410120027 | Nguyễn Khánh    | Linh   | 21/06/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 5,0     | năm, không |         |
| 8   | 2410120008 | Phan Ánh        | Linh   | 19/12/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 9   | 2410120007 | Võ Trúc         | Ly     | 23/04/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 10  | 2410120009 | Hoàng Thị Ánh   | Nguyệt | 20/10/2000 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 11  | 2410120012 | Nguyễn Thị Yến  | Nhi    | 05/11/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 12  | 2410120022 | Nguyễn Thị Yến  | Nhi    | 16/05/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 13  | 2410120026 | Hà Lê Thành     | Phát   | 04/05/2004 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 14  | 2410120014 | Nguyễn Minh     | Quyên  | 04/08/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 15  | 2410120013 | Lê Minh         | Thuận  | 05/05/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 16  | 2410120010 | Trương Thanh    | Thùy   | 17/05/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 17  | 2410120024 | Trần Hoàng Anh  | Thư    | 13/12/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 5,0     | năm, không |         |
| 18  | 2410120003 | Phùng Thị Thủy  | Tiên   | 23/07/2005 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 5,0     | năm, không |         |
| 19  | 2410030016 | Dương Minh      | Tiến   | 04/06/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 20  | 2410120018 | Nguyễn Huỳnh    | Trâm   | 16/09/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 21  | 2410120029 | Đinh Hoàng Đoàn | Trình  | 06/10/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 22  | 2410120011 | Huỳnh Thị Thủy  | Trình  | 15/11/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 6,0     | sáu, không |         |
| 23  | 2410120021 | Huỳnh Thanh     | Trúc   | 27/08/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 6,0     | sáu, không |         |
| 24  | 2410120005 | Nguyễn Thị Thuý | Vy     | 30/5/2006  | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |
| 25  | 2410120017 | Nguyễn Thị Như  | Ý      | 24/04/2006 | C26TC  | <i>[Signature]</i> | 7,0     | bảy, không |         |

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 1.

Ngày 17 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Phi Hoa

Ngày 16 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Trung Sơn

TRƯỜNG  
PH  
BẢO



**BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ**

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thị trường tài chính - MH1104204

Mã lớp học phần: 25111MH110420401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ  | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|--------|--------|---------|-----------|---------|
| 1   | 2410120004 | Đinh Lê Kim     | Chi    | 22/01/2006 | C26TC  | Ich    | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 2   | 2410120025 | Phạm Quỳnh      | Duy    | 21/01/2006 | C26TC  | D      | 7,5     | bảy, lẻ   |         |
| 3   | 2410120020 | Võ Thị Hồng     | Hạnh   | 27/07/2006 | C26TC  | Hạnh   | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 4   | 2410120016 | Đỗ Thị Ngọc     | Hân    | 30/10/2006 | C26TC  | Hân    | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 5   | 2410120023 | Võ Thị Kim      | Hồng   | 01/08/2006 | C26TC  | Hoc    | 8,0     | tám, chẵn |         |
| 6   | 2410120028 | Phan Văn        | Kha    | 23/12/2003 | C26TC  | Kha    | 7,5     | bảy, lẻ   |         |
| 7   | 2410120027 | Nguyễn Khánh    | Linh   | 21/06/2006 | C26TC  | Linh   | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 8   | 2410120008 | Phan Ánh        | Linh   | 19/12/2006 | C26TC  | Ánh    | 8,0     | tám, chẵn |         |
| 9   | 2410120007 | Võ Trúc         | Ly     | 23/04/2006 | C26TC  | Trúc   | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 10  | 2410120009 | Hoàng Thị Ánh   | Nguyệt | 20/10/2000 | C26TC  | Nguyệt | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 11  | 2410120012 | Nguyễn Thị Yên  | Nhi    | 05/11/2006 | C26TC  | Nhi    | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 12  | 2410120022 | Nguyễn Thị Yên  | Nhi    | 16/05/2006 | C26TC  | Nhi    | 8,0     | tám, chẵn |         |
| 13  | 2410120026 | Nhà Lê Thành    | Phát   | 04/05/2004 | C26TC  | Phát   | 7,5     | bảy, lẻ   |         |
| 14  | 2410120014 | Nguyễn Minh     | Quyền  | 04/08/2006 | C26TC  | Quyền  | 7,5     | bảy, lẻ   |         |
| 15  | 2410120013 | Lê Minh         | Thuận  | 05/05/2006 | C26TC  | Thuận  | 7,5     | bảy, lẻ   |         |
| 16  | 2410120010 | Trương Thanh    | Thùy   | 17/05/2006 | C26TC  | Thùy   | 8,0     | tám, chẵn |         |
| 17  | 2410120024 | Trần Hoàng Anh  | Thư    | 13/12/2006 | C26TC  | Thư    | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 18  | 2410120003 | Phùng Thị Thùy  | Tiên   | 23/07/2005 | C26TC  | Tiên   | 7,5     | bảy, lẻ   |         |
| 19  | 2410030016 | Dương Minh      | Tiến   | 04/06/2006 | C26TC  | Tiến   | 7,5     | bảy, lẻ   |         |
| 20  | 2410120018 | Nguyễn Huỳnh    | Trâm   | 16/09/2006 | C26TC  | Trâm   | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 21  | 2410120029 | Đinh Hoàng Đoàn | Trình  | 06/10/2006 | C26TC  | Trình  | 7,5     | bảy, lẻ   |         |
| 22  | 2410120011 | Huỳnh Thị Thủy  | Trình  | 15/11/2006 | C26TC  | Trình  | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 23  | 2410120021 | Huỳnh Thanh     | Trúc   | 27/08/2006 | C26TC  | Trúc   | 7,5     | bảy, lẻ   |         |
| 24  | 2410120005 | Nguyễn Thị Thuý | Vy     | 30/5/2006  | C26TC  | Vy     | 7,0     | bảy, chẵn |         |
| 25  | 2410120017 | Nguyễn Thị Như  | Ý      | 24/04/2006 | C26TC  | Ý      | 7,0     | bảy, chẵn |         |

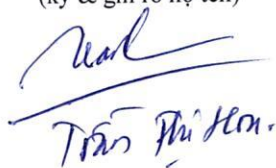
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày 17 tháng 10 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

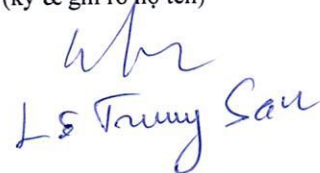
(ký & ghi rõ họ tên)

  
Trần Thị Hoa.

Ngày 16 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

  
Lê Trung Sơn





**BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thị trường tài chính - MH1104204

Mã lớp học phần: 25111MH110420401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|--------|--------|---------|----------|---------|
| 1   | 2210120001 | Nguyễn Thành Khôi | 27/02/2001 | C24TC1 |        |         |          |         |

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 1 . Số bài thi: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Ngày 17 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 16 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ  
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

## BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thị trường tài chính - MH1104204

Mã lớp học phần: 25111MH110420401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|--------|--------|---------|----------|---------|
| 1   | 2210120001 | Nguyễn Thành Khôi | 27/02/2001 | C24TC1 |        |         |          |         |

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 1 . Số bài thi: 1 / 1 .Ngày 15 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 16 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



**BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1**

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thị trường tài chính - MH1104204

Giám thị 1: Lê Thành Huy

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25111MH110420401 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Đào Thị Hồng Hạnh

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Giám thị 3: \_\_\_\_\_

Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 06/11/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: PM 2

Giám thị 4: \_\_\_\_\_

Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ   | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|--------|-------|---------|------------|--------|---------|
| 1   | 2410120004 | Đinh Lê Kim     | Chi    | 22/01/2006 |        |       | 6,8     | sáu, tám   | C26TC  |         |
| 2   | 2410120025 | Phạm Quỳnh      | Duy    | 21/01/2006 |        |       | 8,4     | tám, bốn   | C26TC  |         |
| 3   | 2410120020 | Võ Thị Hồng     | Hạnh   | 27/07/2006 |        |       | 5,2     | năm, hai   | C26TC  |         |
| 4   | 2410120016 | Đỗ Thị Ngọc     | Hân    | 30/10/2006 |        |       | 6,4     | sáu, bốn   | C26TC  |         |
| 5   | 2410120023 | Võ Thị Kim      | Hồng   | 01/08/2006 |        |       | 7,6     | bảy, sáu   | C26TC  |         |
| 6   | 2410120028 | Phan Văn        | Kha    | 23/12/2003 |        |       | 6,8     | sáu, tám   | C26TC  |         |
| 7   | 2410120027 | Nguyễn Khánh    | Linh   | 21/06/2006 |        |       | 7,2     | bảy, hai   | C26TC  |         |
| 8   | 2410120008 | Phan Anh        | Linh   | 19/12/2006 |        |       | 6,8     | sáu, tám   | C26TC  |         |
| 9   | 2410120007 | Võ Trúc         | Ly     | 23/04/2006 |        |       | 6,8     | sáu, tám   | C26TC  |         |
| 10  | 2410120009 | Hoàng Thị Ánh   | Nguyệt | 20/10/2000 |        |       |         |            | C26TC  |         |
| 11  | 2410120012 | Nguyễn Thị Yến  | Nhi    | 05/11/2006 |        |       | 6,8     | sáu, tám   | C26TC  |         |
| 12  | 2410120022 | Nguyễn Thị Yến  | Nhi    | 16/05/2006 |        |       | 7,2     | bảy, hai   | C26TC  |         |
| 13  | 2410120026 | Hà Lê Thành     | Phát   | 04/05/2004 |        |       | 6,0     | sáu, không | C26TC  |         |
| 14  | 2410120014 | Nguyễn Minh     | Quyên  | 04/08/2006 |        |       | 7,0     | bảy, không | C26TC  |         |
| 15  | 2410120013 | Lê Minh         | Thuận  | 05/05/2006 |        |       | 7,0     | bảy, không | C26TC  |         |
| 16  | 2410120010 | Trương Thanh    | Thùy   | 17/05/2006 |        |       | 8,2     | tám, hai   | C26TC  |         |
| 17  | 2410120024 | Trần Hoàng Anh  | Thư    | 13/12/2006 |        |       | 4,8     | bốn, tám   | C26TC  |         |
| 18  | 2410120003 | Phùng Thị Thùy  | Tiên   | 23/07/2005 |        |       | 6,6     | sáu, sáu   | C26TC  |         |
| 19  | 2410030016 | Dương Minh      | Tiến   | 04/06/2006 |        |       | 5,6     | năm, sáu   | C26TC  |         |
| 20  | 2410120018 | Nguyễn Huỳnh    | Trâm   | 16/09/2006 |        |       | 6,8     | sáu, tám   | C26TC  |         |
| 21  | 2410120029 | Đinh Hoàng Đoan | Trình  | 06/10/2006 |        |       | 7,8     | bảy, tám   | C26TC  |         |
| 22  | 2410120011 | Huỳnh Thị Thúy  | Trình  | 15/11/2006 |        |       | 6,4     | sáu, bốn   | C26TC  |         |
| 23  | 2410120021 | Huỳnh Thanh     | Trúc   | 27/08/2006 |        |       | 5,6     | năm, sáu   | C26TC  |         |
| 24  | 2410120005 | Nguyễn Thị Thuý | Vy     | 30/5/2006  |        |       | 7,0     | bảy, không | C26TC  |         |
| 25  | 2410120017 | Nguyễn Thị Như  | Ý      | 24/04/2006 |        |       | 5,2     | năm, hai   | C26TC  |         |

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: 24 / 24 .

Số sinh viên đạt: 24 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)